

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 163/2019/HS-PT

Ngày: 11/10 /2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn, ông Hoàng Ngọc Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 11/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 204/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Lê Xuân D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Xuân D (tên gọi khác: không); Sinh ngày 10 tháng 09 năm 1967 tại xã T; huyện Y; tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện Y; tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hoá: 5/10; Dân tộc: kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Xuân L (chết) và bà Thái Thị Nh; Vợ: Thái Thị H; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 12/12/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Y, xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 6 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, buộc chấp hành hình phạt chung là 15 tháng tù, chấp hành xong hình phạt từ ngày 07/08/2003.

- Ngày 27/10/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 03/HSST/2004 chấp hành hình phạt tù xong từ ngày 16/02/2006.

- Ngày 07/02/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Y, xử phạt 26 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 24/HSST/2007.

- Ngày 27/06/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt tại bản án số 24/HSST/2007 của Tòa án nhân dân huyện Y, buộc phải chấp hành chung cả hai bản án là 56 tháng tù, tại bản án số 24/HSST/2008, chấp hành hình phạt tù xong ngày 28/01/2012.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/10/2018 đến ngày 01/11/2018, sau đó bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 10/2018, tại địa bàn huyện Y, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Hồng S đã thực hiện 05 hành vi trộm cắp tài sản; Lê Xuân D đã thực hiện 02 hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể như sau:

- Hành vi thứ nhất: vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 24/7/2018, bị cáo S đi bộ từ xã Giang S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An đến khu vực xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An thì phát hiện trong sân nhà anh Phan Văn Tùy dựng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại xe JUPITE GRAVITA màu đỏ - đen, mang biển kiểm soát 37B2-534.40 của anh Phan Văn T, tại vị trí ổ khóa xe máy đang có sẵn chìa khóa. Lợi dụng sơ hở không có người, Sơn đã đi vào sân nhà anh Tùy dắt xe máy ra đường rồi nổ máy điều khiển xe đi đến nhà của Lê Xuân D. Khi đến nơi, bị cáo S để xe máy ngoài sân rồi đi vào trong nhà thì thấy D đang nằm xem phim, S nói “anh cho em mượn cái cờ lê tháo cái ni cái”, D lấy cờ lê có sẵn trong nhà đưa cho S rồi tiếp tục nằm xem phim. S cầm lấy chiếc cờ lê đi ra sân tháo biển kiểm soát xe máy và cất giấu vào trong người. Sau đó bị cáo S đi vào trong nhà nói với D “xe của dì em, anh cho em gửi ít ngày”, thì D đồng ý.

Khoảng 10 ngày sau, Nguyễn Hồng S quay lại gặp D và nói “xe em lấy của dì, xe không có giấy tờ, anh có mua để đi không”, Lê Xuân D nói “bao nhiêu tiền?”, Sơn nói “một triệu rưỡi” (tại cơ quan điều tra Duệ khai nhận lý do biết được chiếc xe máy này là tài sản do trộm cắp mà có là do lúc bán xe, anh S nói với D là xe không có giấy tờ, bán với giá rẻ, đồng thời D biết anh S là người nghiện, không có việc làm, có tiền án về tội trộm cắp tài sản và chưa thấy khi nào anh Sơn đi xe máy đến nhà tôi cả).

Do biết chiếc xe máy S bán là xe máy trộm cắp được và nắm được tâm lý cần bán xe của Nguyễn Hồng S nên sau khi xem xong D ra giá mua chiếc xe với giá 1.000.000 đồng và S đồng ý bán xe cho D với giá 1.000.000 (Một triệu) đồng rồi cầm tiền đi bộ ra về. Trước khi ra về, S có dặn D là “anh kiếm cái biển số khác

lắp vào mà đi”. Trên đường đi về đến cầu Rọc Lái thuộc xóm 9, xã X thì S lấy biển số kiểm soát xe máy cất giấu trong người ra ném xuống sông. Số tiền bán xe có được S đã tiêu xài cá nhân. Khoảng 10 ngày sau khi mua được xe, D đã mua được chiếc chiếc biển kiểm soát 37P9 - 2866 của một người đàn ông thu mua sắt vụn, không quen biết, khi người này đi qua trước cổng nhà của mình, với giá 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng. Sau đó, D gắn chiếc biển kiểm soát này vào chiếc xe mua được của Sơn nêu trên và sử dụng cho đến ngày 26/10/2018 thì Lê Xuân D đã giao nộp chiếc cho Cơ quan Công an huyện Y.

- Hành vi thứ hai: vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02/09/2018, Sơn đi bộ từ xã Phúc thành, huyện Y đến xã H, huyện Y để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực cánh đồng giáp ranh giữa xã Ph với H thì S phát hiện trên bờ ruộng (cách đường nhựa khoảng 150m) có một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe WAVES màu đỏ , BKS 37U1 -4030 của chị Nguyễn Thị D xã Phúc Th dựng trên bờ ruộng. Lợi dụng lúc chị D đang làm cỏ, không để ý và xung quanh không có người, Sơn đã đi bộ đến chiếc xe rồi lên xe điều khiển xe đi về hướng xã Phúc Thành sau đó Sơn tiếp tục đi về hướng bệnh viện đa khoa huyện Y đến nhà Phạm Văn Th để bán xe vờ trộm được. Khi đến nơi, S gặp Th và nói “xe ni không có giấy tờ, mi có mua để đi không”, Th nói “xe ni mi lấy ở mô?” thì S nói “mi mua thì mua, không mua thì thôi”, Th hỏi giá bao nhiêu?” S nói “ba triệu đồng”, Th “hai triệu rưỡi” thì S đồng ý bán xe. Sau khi cầm được tiền bán xe S đi bộ về nhà sau đó tiêu xài cá nhân hết số tiền đã bán xe .

Quá trình sử dụng Th đã dùng BKS 37B2 - 31451 gắn vào xe máy mua của Sơn và sử dụng đến ngày 28/10/2018 thì bị Công an huyện Y thu giữ. Trong quá trình điều tra Th không có mặt tại địa phương.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 27/3/2019 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Căn cứ vào khoản 1 điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân D 7 (Bảy) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/10/2018 đến ngày 01/11/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, bị cáo Lê Xuân D làm đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi cũng như nhân thân của bị cáo Lê Xuân D và cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 07 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 điều 323 bộ luật Hình sự với mức hình phạt là 07 tháng tù là đúng quy định pháp luật và phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo Lê Xuân D làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Xuân D thấy:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để xác định: Trong thời gian từ tháng 7-9/2018 bị cáo Lê Xuân D đã cố tình làm ngơ tiêu thụ tài sản do bị cáo S trộm cắp với giá trị 22.900.000 đồng. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Xuân D đã bị Tòa cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của bị cáo xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm để xem xét toàn bộ tính chất, hành vi vụ án và các tình tiết giảm nhẹ xét xử bị cáo 07 tháng tù là đã thể hiện sự khoan hồng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Như vậy, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Lê Xuân D.

[4] Đối với nội dung kháng cáo xin hưởng án treo: Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nhân thân xấu, liên tục phạm tội, trong vụ án này bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, căn cứ Nghị quyết Số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Lê Xuân D không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[5] Các quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự .

Không chấp nhận kháng cáo bị cáo Lê Xuân D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào khoản 1 điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân D 7 (Bảy) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/10/2018 đến ngày 01/11/2018.

3. Về án phí hình sự: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Xuân D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND h. Y;
- CA, Chi cục THADS h. Y;
- UBND xã T, Y;
- Lưu Hsơ, Toà hsự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Anh

Nguyễn Đăng Phôn

Thái Thị Hồng Vân

